

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 4 - 2026

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Toàn.
2. Bà Dương Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thảo Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Huế (Số A L, xã P, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự: Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh ngày 29/6/1980; số căn cước công dân: 046180009447, cấp ngày 28/8/2022. Địa chỉ: Tổ E, thôn B, xã H, thành phố H. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Đức D, sinh ngày 26/02/1979, số căn cước công dân: 046079011125, cấp ngày 25/8/2022; Địa chỉ: Tổ E, thôn B, xã H, thành phố H. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2025, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Chị Võ Thị T và anh Lê Đức D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là xã H, thành phố H). Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng bình thường. Vào năm 2024, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai vợ chồng

sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức D.

Về con chung: Chị Võ Thị T và anh Lê Đức D có 03 người con chung tên là Lê Đức O, sinh ngày 23/4/2003; Lê Đức P, sinh ngày 30/03/2005 và Lê Vũ Mỹ K, sinh ngày 16/9/2007. Các con của chị T và anh D đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Võ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lê Đức D: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh D, quá thời hạn quy định mà anh D vẫn không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiếp tục tổng đạt các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai, không hòa giải được, do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T được ly hôn với anh Lê Đức D; không xem xét về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản; chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Võ Thị T, anh Lê Đức D đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai. Chị Võ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh Lê Đức D vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Võ Thị T và anh Lê Đức D.

Nguyên đơn chị Võ Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Lê Đức D, có nơi cư trú tại Tổ E, thôn B, xã H, thành phố H; Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Lê Đức D sau khi tìm hiểu nhau, đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã

L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là xã H, thành phố H). Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đức D. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh D đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh D không đến, chứng tỏ, anh D không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị T được ly hôn với anh Lê Đức D.

[3] Về con chung: Chị Võ Thị T và anh Lê Đức D có 03 người con chung tên là Lê Đức O, sinh ngày 23/4/2003; Lê Đức P, sinh ngày 30/03/2005 và Lê Vũ Mỹ K, sinh ngày 16/9/2007. Các con của chị T và anh D đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Võ Thị T và anh Lê Đức D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T được ly hôn anh Lê Đức D.

2. Về con chung: Chị Võ Thị T và anh Lê Đức D có 03 người con chung tên là Lê Đức O, sinh ngày 23/4/2003; Lê Đức P, sinh ngày 30/03/2005 và Lê Vũ Mỹ K, sinh ngày 16/9/2007. Các con của chị T và anh D đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Võ Thị T và anh Lê Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Võ Thị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000902 ngày 07/11/2025 của Thị hành án dân sự thành phố H. Chị T đã nộp đủ.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- Thị hành án dân sự thành phố Huế;
- Phòng THA dân sự khu vực 4- Huế;
- UBND xã Hưng Lộc, thành phố Huế,
đăng ký kết hôn số 158, quyển số
01/2005, ngày 12/12/2005;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quý Vân